

SỞ Y-TẾ SƠN LA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC BẮC YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Yên, ngày 01 tháng 10 năm 2026

DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH GIÁ

Gói: Dịch vụ vệ sinh công nghiệp phục vụ công tác khám, chữa bệnh tại Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Yên
(thời gian thực hiện 12 tháng)

(Kèm theo Công văn số 1204/BVBY ngày 01/10/2026 của Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Yên)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Mục đích thẩm định giá: Làm cơ sở xây dựng giá gói thầu, lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ vệ sinh công nghiệp năm 2026 - 2027.
- Địa điểm thực hiện dịch vụ: Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Yên, tỉnh Sơn La.
- Thời gian cung cấp dịch vụ: 12 tháng.
- Diện tích làm sạch: diện tích sân và vườn 13.855,4 m²; diện tích sàn sử dụng 11.986,1 m².
- Nhân lực yêu cầu: 09 công nhân trực tiếp và 01 nhân viên quản lý, giám sát.
- Thời gian làm việc: 08 giờ/ngày (sáng 6h00 - 11h00, chiều 14h00 - 17h00); làm việc tất cả các ngày trong tuần, thứ Bảy, Chủ nhật, ngày lễ nghỉ luân phiên nhưng bố trí tối thiểu 05 người trực; ngoài giờ bố trí 01 người trực tại khoa Hồi sức cấp cứu.

II. PHẠM VI, YÊU CẦU KỸ THUẬT CỦA DỊCH VỤ

- Phạm vi: 21 khu vực gồm Nhà A (Ban Giám đốc, các phòng chức năng, Khoa Khám bệnh, Khoa Xét nghiệm - CDHA, Khoa Liên chuyên khoa); Nhà C (Khoa Dược - TTBYT); Nhà D (Khoa Ngoại tổng hợp); Nhà E (Khoa HSCC); Nhà F (Nội tổng hợp - YHCT, Phụ sản, Nhi); Nhà G (Khoa KSNK) và Nhà H (Khoa Dinh dưỡng) — trong khoa do khoa tự quản lý thực hiện; Nhà K (Khoa Truyền nhiễm); khu bể chứa nước, trạm bơm, nhà xưởng, gara; nhà thu gom rác thải; khu vệ sinh ngoài trời; nhà cầu hành lang, cầu thang ngoài trời; nhà để xe cán bộ, bệnh nhân; khu xử lý rác; sân, đường nội bộ; cây cảnh, cây bóng mát; cắt cỏ khuôn viên, hàng rào; đường bê tông trước cửa bệnh viện; các công việc phục vụ ngày lễ, đoàn công tác.
- Yêu cầu kỹ thuật: Thực hiện đúng nguyên tắc làm vệ sinh bệnh viện; làm sạch hàng ngày và duy trì làm sạch khi phát sinh; đánh rửa sàn bằng máy chuyên dụng 01 - 02 lần/tháng tùy khu vực; thu gom, phân loại, vận chuyển chất thải đến nơi tập kết theo quy định; bàn giao chất thải y tế cho khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn.
- Nội dung công việc, tần suất và tiêu chí chất lượng chi tiết theo khu vực: theo Mục B và Mục D - Báo giá ngày 17/9/2026 gửi kèm.

III. DANH MỤC CHI TIẾT ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH GIÁ

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Mô tả, thông số kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng	Thời gian sử dụng / khấu hao	Ghi chú
A	CHI PHÍ NHÂN CÔNG					
1	Công nhân vệ sinh trực tiếp	Thực hiện vệ sinh 21 khu vực theo phạm vi, tần suất tại Mục II; làm việc 8 giờ/ngày, tất cả các ngày trong tuần (T7, CN, lễ nghỉ luân phiên, tối thiểu 5 người trực); bố trí 01 người trực ngoài giờ tại khoa HSCC	Người.tháng	108	12 tháng	09 người × 12 tháng
2	Nhân viên quản lý, giám sát	Giám sát, kiểm tra, hỗ trợ công tác tổng vệ sinh	Người.tháng	12	12 tháng	01 người × 12 tháng
3	Chi phí BHXH, BHYT, BHTN	Phần người sử dụng lao động đóng cho 10 lao động theo quy định hiện hành	Gói/tháng	12	12 tháng	(**)
B	VẬT TƯ THAY THẾ (KHẤU HAO 01 THÁNG)					
1	Khăn lau cotton	Kích thước 25×45 cm	Chiếc	216	01 tháng	18 chiếc/tháng
2	Khăn lau kính cotton	Kích thước 30×50 cm	Chiếc	108	01 tháng	9 chiếc/tháng
3	Găng tay cao su	Loại dày	Đôi	108	01 tháng	9 đôi/tháng
4	Cọ rổi kim loại	Loại thông dụng	Cái	108	01 tháng	9 cái/tháng
5	Chổi tre cán dài	Cán dài	Chiếc	24	01 tháng	2 chiếc/tháng
6	Chổi lá cọ	Loại thông dụng	Chiếc	36	01 tháng	3 chiếc/tháng
7	Chổi chít cán dài	Cán dài	Chiếc	108	01 tháng	9 chiếc/tháng
8	Bông lau ướt nhà	Hãng Phú Gia hoặc tương đương	Bông	108	01 tháng	9 bông/tháng
9	Giẻ lau khô	Dài 60 cm, sợi cotton	Cái	108	01 tháng	9 cái/tháng
10	Túi nilon đựng rác sinh hoạt	Loại 20 kg	Kg	360	01 tháng	30 kg/tháng
11	Túi nilon đựng rác sinh hoạt	Loại 10 kg	Kg	240	01 tháng	20 kg/tháng
C	HÓA CHẤT (SỬ DỤNG TRONG 01 THÁNG)					
1	Xà phòng bột	Omo hoặc tương đương, túi 5,7 kg	Kg	360	01 tháng	30 kg/tháng
2	Hóa chất tẩy	Zaven hoặc tương đương, can 20 lít	Lít	240	01 tháng	20 lít/tháng
3	Hóa chất lau bề mặt khử khuẩn	Cloramin B hoặc tương đương, thùng 25 kg	Kg	60	01 tháng	5 kg/tháng
4	Nước lau sàn nhà	SH hoặc tương đương, can 3,8 lít	Lít	540	01 tháng	45 lít/tháng
5	Hóa chất lau kính	Gift hoặc tương đương, chai 0,5 lít	Chai	240	01 tháng	20 chai/tháng

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Mô tả, thông số kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng	Thời gian sử dụng / khấu hao	Ghi chú
6	Hóa chất tẩy toilet	Okay hoặc tương đương, chai 1 lít	Chai	384	01 tháng	32 chai/tháng
7	Tinh dầu quế nguyên chất	Nguyên chất	Lít	6	01 tháng	0,5 lít/tháng
8	Kem đa năng lau thiết bị, đồ dùng	Cif hoặc tương đương, chai 500 ml	Chai	108	01 tháng	9 chai/tháng
9	Găng tay vải	Loại thông dụng	Đôi	36 (*)	01 tháng	9 đôi/tháng
D	VẬT TƯ TIÊU HAO, THAY THẾ (KHẤU HAO 03 THÁNG)					
1	Chổi vắt lau ướt cán inox	Cán inox	Chiếc	36	03 tháng	
2	Chổi lau khô cán inox	Cán inox	Chiếc	36	03 tháng	
3	Phất trần cán ngắn	Cán ngắn	Chiếc	36	03 tháng	
4	Hót rác nhựa cán dài	Nhựa, cán dài	Chiếc	36	03 tháng	
5	Cạo sàn chuyên dụng	Chuyên dụng	Chiếc	36	03 tháng	
6	Bàn chải cọ nhà vệ sinh	Loại thông dụng	Chiếc	36	03 tháng	
7	Thụt cao su	Loại thông dụng	Cái	36	03 tháng	
8	Chổi nhựa cán inox	Cán inox	Chiếc	36	03 tháng	
9	Giỏ vắt bông lau ướt	Phụ Gia hoặc tương đương	Chiếc	36	03 tháng	
Đ	VẬT TƯ TIÊU HAO, THAY THẾ (KHẤU HAO 12 THÁNG)					
1	Bàn chải chà sàn dùng cho máy chà	Clepro hoặc tương đương	Cái	4	12 tháng	
2	Bộ gạt sàn (gạt nước)	Khung nhựa 45 cm (C-035) hoặc tương đương	Bộ	9	12 tháng	
3	Chổi quét mạng nhện	Cán inox dài 3 m	Cái	9	12 tháng	
4	Dây thông tắc nhà vệ sinh	Loại thông dụng	Chiếc	9	12 tháng	
5	Cây gạt nước lau kính	Loại thông dụng	Chiếc	9	12 tháng	
6	Dây bơm nước	Loại thông dụng	Mét	50	12 tháng	
7	Dây điện	Trần Phú 2×2,5 hoặc tương đương	Mét	20	12 tháng	
E	BẢO HỘ LAO ĐỘNG (KHẤU HAO 06 THÁNG)					
1	Quần áo bảo hộ lao động	Theo tiêu chuẩn BHLĐ ngành vệ sinh	Bộ	20	06 tháng	
2	Ủng	Cao su	Đôi	18	06 tháng	
3	Thẻ nhân viên	Có ảnh	Cái	10	06 tháng	

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Mô tả, thông số kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng	Thời gian sử dụng / khấu hao	Ghi chú
G	MÁY MÓC, THIẾT BỊ (KHẤU HAO 24 THÁNG)					
1	Xe đẩy chữ L	Loại chuyên dụng vệ sinh	Chiếc	8	24 tháng	Thẩm định giá trị khấu hao 12/24 tháng
2	Máy đánh sàn công nghiệp	CLEPRO CS17B hoặc tương đương	Chiếc	1	24 tháng	Thẩm định giá trị khấu hao 12/24 tháng
3	Máy hút bụi, hút nước	CLEPRO hoặc tương đương	Chiếc	2	24 tháng	Thẩm định giá trị khấu hao 12/24 tháng
4	Thang nhôm chữ A	Cao 3 m	Cái	1	24 tháng	Thẩm định giá trị khấu hao 12/24 tháng
5	Máy phun áp lực	Loại thông dụng	Chiếc	1	24 tháng	Thẩm định giá trị khấu hao 12/24 tháng

(*) Găng tay vải: báo giá ghi 09 đôi/tháng nhưng số lượng 12 tháng chỉ ghi 36 đôi (thành tiền tính theo 36 đôi); nếu theo định mức tháng thì 12 tháng là 108 đôi. Đề nghị thống nhất số lượng trước khi gửi thẩm định.

(**) BHHH, BHYT, BHTN: báo giá ghi 01 gói, đơn giá 2.205.000 đ nhưng thành tiền 22.050.000 đ/tháng (tương ứng 10 lao động $\times$ 2.205.000 đ, khoảng 44% mức lương 5.000.000 đ). Đề nghị đơn vị thẩm định xác định lại theo mức lương và tỷ lệ đóng của người sử dụng lao động theo quy định.

Ghi chú: Đơn giá thẩm định chưa bao gồm thuế GTGT; thuế GTGT áp dụng theo quy định tại thời điểm thẩm định. Các nhân hiệu nêu trong danh mục để mô tả tính năng, chất lượng; chấp nhận hàng hóa tương đương.

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG TCHC

GIÁM ĐỐC







Bùi Xuân Phú

Ths.Bs.Nguyễn Trung Kiên